GIÁO DỤC TƯ DUY XANH TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM: TỪ NHẬN THỨC MÔI TRƯỜNG ĐẾN NĂNG LỰC HÀNH ĐỘNG BỀN VỮNG

Tô Thị Thùy Loan, Lê Đặng Thảo Uyên, Nguyễn Quang Việt Ngân
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: thuyloanto@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt: *Hiện nay "Chuyển đổi xanh" được nhìn nhận như một giải pháp quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó, tư duy xanh là một trong những trụ cột quan trọng để thúc đẩy sự tham gia của tất cả các bên liên quan trọng thúc đẩy chuyển đổi xanh. Bài viết được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp phân tích – tổng hợp và so sánh. Bài viết lập luận rằng giáo dục tư duy xanh ở bậc đại học không thể dừng ở việc cung cấp kiến thức môi trường, mà phải hướng tới hình thành một năng lực: khả năng nhìn vấn đề theo hệ thống, hình dung các tương lai bền vững, gắn quyết định với một hệ giá trị và sẵn sàng hành động. Trên cơ sở đối chiếu ba khung tham chiếu quốc tế – Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD for 2030) của UNESCO, khung năng lực bền vững GreenComp của Liên minh châu Âu và mục tiêu 4.7 trong các mục tiêu phát triển bền vững – bài viết đề xuất một khung bốn thành tố của tư duy xanh và một mô hình tích hợp bốn tầng cho trường đại học Việt Nam, đồng thời phân tích vai trò đặc thù của khối sư phạm như một điểm nhân của hiệu ứng lan tỏa. Kết quả nghiên cứu là gợi ý tham khảo để các chương trình đào tạo có thể tiếp cận trong việc xây dựng các học phần phát triển tư duy xanh cho người học cũng như tích hợp với các yếu tố phát triển bền vững.*

Từ khóa: *đào tạo giáo viên, giáo dục đại học, giáo dục vì sự phát triển bền vững, năng lực bền vững, tư duy xanh.*

GREEN MINDSET EDUCATION IN VIETNAMESE UNIVERSITIES: FROM ENVIRONMENTAL AWARENESS TO SUSTAINABLE ACTION COMPETENCE

Abstract: *The green transition has recently emerged as a strategic pathway toward sustainable development and climate change adaptation. Central to this transition is the cultivation of a mindset, which empowers individuals to actively participate in addressing environmental, social, and economic challenges. However, higher education institutions continue to face the challenge of moving beyond knowledge transmission toward fostering competencies that support sustainable transformation. This study is based on documentary research, supported by qualitative methods of analysis, synthesis, and comparative analysis, to examine how green mindset education can be effectively integrated into higher education. Drawing on three internationally recognized frameworks—UNESCO's Education for Sustainable Development (ESD for 2030), the European Union's GreenComp Sustainability Competence Framework, and Sustainable Development Goal Target 4.7—the study identifies the essential dimensions of a green mindset and explores their implications for curriculum development. The findings suggest that green mindset education should develop a holistic competency encompassing systems thinking, futures thinking, values-based decision making, and action competence for sustainability. Based on these findings, the paper proposes a four-component conceptual framework for green mindset education and a four-level integration model for Vietnamese universities. It also emphasizes the strategic role of teacher education institutions in amplifying the impact of sustainability education through future generations of educators.*

Keywords: *education for sustainable development, green mindset, higher education, sustainability competence, teacher education.*

Nhận bài: 12/06/2026 Phản biện: 12/07/2026 Duyệt đăng: 15/07/2026

I. MỞ ĐẦU

Tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (COP26) năm 2021, Việt Nam đã cam kết đưa phát thải ròng về 0 vào năm 2050. Cam kết này kéo theo yêu cầu chuyển đổi xanh trên hầu hết các lĩnh vực, từ năng lượng, sản xuất, giao thông cho tới tiêu dùng. Để có thể đạt hiệu quả trong công tác chuyển đổi xanh, bên cạnh phần "cứng" – công nghệ, hạ tầng, tài chính, các yếu tố "mềm" - cách con người suy nghĩ, ra quyết định và ưu tiên giá trị cũng đóng vai trò quan trọng. Cụm từ "Tư duy xanh" -Tư duy "bảo vệ môi trường là nhiệm vụ trung tâm" phản ánh bước hoàn thiện trong cách tiếp cận phát triển bền vững của Việt Nam dựa trên ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Đây được xem là nền tảng thúc đẩy các giải pháp kỹ thuật có được chấp nhận, duy trì và nhân rộng hay không.

Giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, chính là nền tảng quan trọng để xây dựng nền tảng tư duy xanh. Vì thế, thế hệ học sinh sinh viên hôm nay sẽ là người làm chính sách, người thiết kế sản phẩm, người tiêu dùng và người làm cha mẹ của ngày mai. Nếu họ rời giảng đường mà không mang theo một tư duy xanh, thì mọi chiến lược tăng trưởng xanh đều thiếu mất nền tảng con người để bám rễ (Sterling, 2001).

Vấn đề là giáo dục về môi trường ở đại học

hiện nay còn thường gói gọn trong vài học phần của ngành môi trường, các môn học đại cương tìm hiểu về môi trường hoặc trong các hoạt động phong trào như trồng cây, dọn rác, hưởng ứng "Giờ Trái đất". Cách làm này tạo ra hiểu biết và thiện cảm, nhưng chưa chắc tạo ra năng lực tư duy và thói quen hành động. Một người có thể thuộc lòng nguyên nhân của biến đổi khí hậu mà vẫn sống và quyết định theo lối cũ – khoảng cách giữa "biết" và "làm" này được nhiều nghiên cứu gọi là khoảng cách thái độ – hành vi (Kollmuss & Agyeman, 2002).

Từ khoảng trống nghiên cứu nêu trên, bài viết hướng đến ba mục tiêu cốt lõi. Trước hết, tác giả tiến hành làm rõ sự khác biệt giữa "biết về môi trường" và "tư duy xanh", từ đó xác lập một khung khái niệm dựa trên nền tảng lý luận vững chắc. Thứ hai, bài viết luận giải rằng tư duy xanh là một năng lực hoàn toàn có thể — và rất cần — được giảng dạy một cách hệ thống, thay vì phụ thuộc vào các phong trào mang tính thời điểm. Thứ ba, trên cơ sở phân tích vị trí đặc thù của khối ngành sư phạm, nghiên cứu đề xuất mô hình tích hợp tư duy xanh khả thi, phù hợp với bối cảnh các trường đại học tại Việt Nam.

Điểm mới nổi bật của nghiên cứu là chuyển dịch trọng tâm: thay vì chỉ dừng lại ở nội dung giáo dục môi trường truyền thống, bài viết đi sâu phân tích cấu trúc năng lực cùng các điều kiện thể chế cần thiết để hình thành năng lực đó. Cấu trúc của bài viết được tổ chức thành bốn phần chính: Đặt vấn đề, Phương pháp nghiên cứu, Kết quả - Thảo luận, và Kết luận.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, kết hợp phân tích – tổng hợp và so sánh đối chiếu nhằm xây dựng khung khái niệm và mô hình đề xuất, không thu thập dữ liệu thực nghiệm.

Nguồn tư liệu gồm ba nhóm: (1) các khung năng lực phát triển bền vững quốc tế như UNESCO ESD for 2030, GreenComp và SDG 4.7; (2) các nghiên cứu nền tảng về năng lực bền vững trong giáo dục đại học; (3) các văn bản chính sách của Việt Nam, đặc biệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050.

Quy trình nghiên cứu gồm ba bước: (1) rà soát, mã hóa và đối chiếu các thành tố năng lực; (2) so sánh, tinh giản thành bộ thành tố bao quát ba miền nhận thức – giá trị – hành động; (3) tổng hợp, đề xuất mô hình tích hợp và các điều kiện triển khai.

Hạn chế của nghiên cứu là các nhận định về khoảng trống thực tiễn chủ yếu dựa trên phân tích tài liệu và quan sát chuyên môn, chưa được kiểm chứng bằng khảo sát thực nghiệm diện rộng.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tư duy xanh: từ khái niệm đến khung năng lực

Trước khi đề xuất bất kỳ mô hình giáo dục, việc làm rõ khái niệm trung tâm là một đòi hỏi tiên quyết. Mục này trước hết sẽ phân định rạch ròi giữa "tư duy xanh" và "kiến thức môi trường", tiếp đó đối chiếu khái niệm này qua ba khung tham chiếu quốc tế uy tín, từ đó tổng hợp thành một cấu trúc bốn thành tố tinh gọn, giúp giảng viên dễ dàng áp dụng trong thực tiễn giảng dạy.

3.1.1. Phân biệt kiến thức môi trường và tư duy xanh

Kiến thức môi trường bao hàm hệ thống dữ liệu và thông tin về các vấn đề sinh thái như biến đổi khí hậu, ô nhiễm, suy giảm đa dạng sinh học hay vòng đời chất thải — phản ánh thuần túy miền "nhận thức" (biết). Trái lại, tư duy xanh đại diện cho một hệ hình tư duy và cấu trúc giá trị rộng lớn hơn; đó là kim chỉ nam định hình cách con người phân tích vấn đề và đưa ra quyết định, trong đó sự bền vững lâu dài của hệ sinh thái cùng quyền lợi của các thế hệ tương lai luôn được xem là tiêu chí ưu tiên (World Commission on Environment and Development, 1987). Như vậy, tư duy xanh mở rộng sang cả miền "thái độ" và "hành vi" (nghĩ và làm).

3.1.2. Ba khung tham chiếu quốc tế

• UNESCO – ESD for 2030: Nhấn mạnh phát triển các năng lực cốt lõi như tư duy hệ thống, tư duy dự báo, tư duy phản biện, năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề; coi giáo dục vì phát triển bền vững là phương pháp tiếp cận xuyên suốt (UNESCO, 2017, 2020).

• GreenComp (Liên minh Châu Âu): Xác định bốn nhóm năng lực gồm giá trị bền vững, tư duy về tính phức hợp, định hướng tương lai và hành động vì phát triển bền vững, nhấn mạnh sự gắn kết giữa nhận thức và hành động (Bianchi et al., 2022).

• Mục tiêu 4.7 của Chương trình nghị sự 2030: Khẳng định mọi người học cần được trang bị kiến thức và kỹ năng để thúc đẩy phát triển bền vững, đưa giáo dục vì phát triển bền vững trở thành cam kết toàn cầu (United Nations, 2015).

3.1.3. Bốn thành tố của tư duy xanh

Tổng hợp ba khung tham chiếu nêu trên, đối chiếu với các nghiên cứu về năng lực bền vững trong giáo dục đại học (Wiek et al., 2011;

Rieckmann, 2012) và cân nhắc tính ứng dụng tại Việt Nam, bài viết khái quát tư duy xanh thành bốn thành tố, đóng vai trò là khung hướng dẫn thực hành cho giảng viên (Bảng 1).

Bảng 1. Bốn thành tố của tư duy xanh và biểu hiện ở người học

Thành tố	Biểu hiện ở người học
Tư duy hệ thống	Nhìn ra mối liên hệ và hệ quả lan truyền giữa kinh tế – xã hội – môi trường; hiểu rằng một quyết định ở chỗ này có thể tạo hệ quả ở chỗ khác và ở thì tương lai.
Tư duy hướng tương lai	Biết hình dung nhiều kịch bản tương lai, cân nhắc rủi ro dài hạn và lợi ích của các thế hệ chưa sinh ra khi ra quyết định hôm nay.
Giá trị và đạo đức bền vững	Coi công bằng liên thế hệ, tôn trọng tự nhiên và trách nhiệm với cộng đồng là cơ sở để phán xét điều nên làm.
Năng lực hành động	Chuyển được nhận thức thành hành vi cụ thể, cá nhân lẫn tập thể; có tinh thần chủ động và niềm tin rằng hành động của mình tạo khác biệt.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ UNESCO (2020), Bianchi et al. (2022) và Wiek et al. (2011).

Bốn thành tố này tồn tại trong mối quan hệ hữu cơ và bổ trợ lẫn nhau: tư duy hệ thống cùng tư duy hướng tương lai định hình cách thức tiếp cận và phân tích vấn đề; hệ giá trị đóng vai trò là bộ lọc chuẩn tắc để xác định các ưu tiên; trong khi năng lực hành động bảo đảm quá trình chuyển hóa từ nhận thức sang thực tiễn. Do đó, một chương trình giáo dục tư duy xanh hiệu quả bắt buộc phải tích hợp đồng bộ cả bốn thành tố, thay vì chỉ dừng lại ở khía cạnh nhận thức ban đầu như thực trạng phổ biến hiện nay.

3.2. Bối cảnh và khoảng trống trong giáo dục tư duy xanh trong đại học Việt Nam

3.2.1. Khung chính sách thuận lợi

Xét về khung chính sách, Việt Nam không thiếu cơ sở để thúc đẩy giáo dục tư duy xanh. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050 đã xác định chuyển đổi xanh là định hướng phát triển dài hạn, trong đó giáo dục và phát triển nguồn nhân lực được coi là một trụ cột (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tạo thêm sức ép và động lực. Ở cấp cơ sở, phong trào "đại học xanh" và các sáng kiến lồng ghép phát triển bền vững đã xuất hiện ở nhiều trường. Nói cách khác, "trần" chính sách đã mở; vấn đề nằm ở khâu thực thi trong giảng đường.

3.2.2. Những khoảng trống trong thực tiễn

• Nội dung phát triển bền vững còn triển khai rời rạc, chủ yếu tập trung ở các ngành môi trường.

• Hoạt động giảng dạy thiên về truyền đạt kiến thức, thiếu trải nghiệm và giải quyết vấn đề thực tiễn.

• Áp lực chương trình và chuẩn đầu ra khiến tư duy xanh chưa được xem là năng lực cốt lõi.

• Nhiều giảng viên chưa được bồi dưỡng về giáo dục phát triển bền vững.

• Thiếu công cụ đánh giá năng lực tư duy xanh.

• Chưa khai thác hiệu quả khuôn viên đại học như một "living lab" phục vụ học tập.

Những hạn chế này khiến sinh viên tốt nghiệp chưa được trang bị đầy đủ năng lực ra quyết định bền vững, cho thấy nhu cầu xây dựng mô hình tích hợp tư duy xanh trong giáo dục đại học.

3.3. Mô hình giáo dục tư duy xanh trong trường đại học

3.3.1. Bốn nguyên tắc thiết kế

Mô hình đề xuất dựa trên bốn nguyên tắc. Thứ nhất là tiếp cận toàn trường: tư duy xanh không thể chỉ sống trong một lớp học mà cần được nâng đỡ bởi cả triết lý, chương trình lẫn cách vận hành. Thứ hai là lồng ghép xuyên môn thay vì lập một môn riêng – vừa tránh quá tải chương trình, vừa giữ đúng bản chất liên ngành của vấn đề. Thứ ba là lấy trải nghiệm và vấn đề thực làm trung tâm. Thứ tư là tích hợp vào đánh giá, để tư duy xanh thực sự "có giá" trong mắt cả người dạy lẫn người học.

3.3.2. Mô hình bốn tầng tích hợp

Trên cơ sở các nguyên tắc đó, bài viết đề xuất một mô hình gồm bốn tầng, từ tầng nền là triết lý cho tới tầng vận hành là khuôn viên. Xuyên suốt bốn tầng là hai trục đỡ: năng lực của đội ngũ giảng viên và hệ thống đánh giá (Bảng 2).

Bảng 2. Mô hình bốn tầng tích hợp tư duy xanh trong trường đại học

Tầng	Trọng tâm	Hành động cụ thể trong trường đại học
Tầng 1 Triết lý và giá trị	Định vị phát triển bền vững là một giá trị nền của nhà trường, không phải hoạt động phong trào.	Đưa năng lực bền vững vào tầm nhìn, sứ mệnh và chuẩn đầu ra; cam kết của lãnh đạo; văn hóa tổ chức coi trọng tư duy dài hạn.
Tầng 2 Chương trình	Lồng ghép tư duy xanh xuyên suốt các ngành thay vì gói trong một môn riêng.	Rà soát chuẩn đầu ra từng môn để cài điểm chạm về bền vững; thêm các học phần liên ngành tự chọn; gắn đồ án/khóa luận với vấn đề bền vững thực tế.
Tầng 3 Phương pháp	Chuyển từ truyền đạt kiến thức sang trải nghiệm và giải quyết vấn đề.	Tư duy thiết kế, học theo dự án (PBL), học phục vụ cộng đồng, nghiên cứu tình huống, tranh luận và đóng vai các bên liên quan.
Tầng 4 Môi trường và vận hành	Biến chính khuôn viên và cách vận hành nhà trường thành "giáo trình sống".	Dùng bài toán rác, điện, nước, cây xanh, giao thông của trường làm đề bài cho sinh viên; công khai số liệu vận hành; khuôn viên như một phòng thí nghiệm sống.

Nguồn: Tổng hợp đề xuất của tác giả.

Điểm mấu chốt của mô hình là bốn tầng chính là tính đồng bộ (Đây cũng được xem là một tiêu chí đánh giá khi vận hành các chương trình phát triển tư duy xanh). Một khẩu hiệu bền vững ở tầng triết lý sẽ trở nên sáo rỗng nếu chương trình, phương pháp và khuôn viên không thay đổi theo. Ngược lại, một giảng viên tâm huyết đổi mới phương pháp ở tầng ba cũng khó đi xa nếu chuẩn đầu ra và cách đánh giá ở các tầng khác vẫn neo vào lối cũ.

3.3.3. Phương pháp dạy học cốt lõi

Ở tầng phương pháp giảng dạy — không gian nơi giảng viên có tính chủ động cao nhất — bài viết đề xuất bốn phương thức tiếp cận phù hợp nhằm nuôi dưỡng tư duy xanh cho người học:

• Tư duy thiết kế (Design Thinking) gắn với Học theo dự án/vấn đề (PBL/PBL): Giao cho sinh viên các bài toán thực tế về tính bền vững tại địa phương hoặc ngay trong nhà trường, giúp người học trải nghiệm toàn bộ quy trình từ thấu cảm nhu cầu, xác định vấn đề đến thiết kế và thực nghiệm giải pháp.

• Học kết hợp phục vụ cộng đồng (Service-Learning): Lồng ghép nội dung chuyên môn với các hoạt động kết nối cộng đồng mang giá trị môi trường – xã hội, tích hợp hoạt động phản tư (guided reflection) có hướng dẫn.

• Mô hình "Khuôn viên là Phòng thí nghiệm sống" (Campus as a Living Lab): Khai thác dữ liệu vận hành thực tế của nhà trường (rác thải, tiêu thụ năng lượng, tài nguyên nước, diện tích xanh) làm học liệu thực nghiệm để sinh viên phân tích và đề xuất mô hình cải tiến.

• Tranh luận, Nghiên cứu tình huống (Case Study) và Đóng vai các bên liên quan (Stakeholder Role-Play): Rèn luyện tư duy hệ thống và năng lực đa chiều — yếu tố cốt lõi để đưa ra các quyết định đảm bảo sự hài hòa và bền vững.

3.3.4. Đánh giá năng lực tư duy xanh

Vì tư duy xanh nằm ở tầng năng lực, không thể đo nó bằng các bài trắc nghiệm kiến thức thuần túy. Phù hợp hơn là đánh giá quá trình thông qua sản phẩm dự án, nhật ký phản tư, hồ sơ học tập, kết hợp với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng dựa trên các rubric mô tả rõ biểu hiện của bốn thành tố đã nêu ở mục 3.1.3. Cách đánh giá này vừa đo được điều cần đo, vừa bản thân nó đã là một hoạt động học tập.

3.3.5. Điều kiện để mô hình vận hành

Mô hình bốn tầng chỉ khả thi khi hội đủ một số điều kiện đi kèm. Trước hết là cam kết của lãnh đạo nhà trường, bởi việc lồng ghép xuyên môn và mở khuôn viên thành phòng thí nghiệm sống đều vượt quá tầm xoay xở của một giảng viên đơn lẻ. Tiếp đến là chương trình bồi dưỡng năng lực giáo dục bền vững cho đội ngũ – không thể đòi hỏi giảng viên dạy điều mà chính họ chưa được trang bị. Thứ ba là cơ chế ghi nhận và khuyến khích, để đổi mới không trở thành phần việc thiệt thòi của riêng những người tâm huyết. Cuối cùng là thời gian: thay đổi một lối tư duy là quá trình dài, cần được nuôi dưỡng kiên trì thay vì kỳ vọng kết quả chỉ sau một hoặc vài học kỳ.

3.4. Tư duy xanh trong đào tạo giáo viên: hướng đến hiệu ứng lan tỏa

Mọi điều nói ở trên áp dụng cho giáo dục đại học nói chung. Tuy nhiên, khối sư phạm có một đặc thù khiến việc đầu tư vào tư duy xanh ở đây

mang hiệu suất xã hội cao bậc nhất: sinh viên sư phạm là những người sẽ dạy lại. Một giáo viên có tư duy xanh, trong suốt sự nghiệp của mình, có thể chạm tới hàng nghìn học sinh. Đây chính là một hệ số nhân mà không nhóm ngành nào khác có được.

Vì lẽ đó, giáo dục tư duy xanh cho sinh viên sư phạm cần đặt mục tiêu "kép". Một mặt, phải hình thành tư duy xanh cho chính người học, như với mọi sinh viên. Mặt khác – và đây là phần đặc thù – phải trang bị cho họ năng lực sư phạm để biết cách dạy lại tư duy đó, biết tích hợp giáo dục bền vững vào chính môn học mà sau này họ phụ trách, dù đó là Toán, Ngữ văn hay Tiếng Anh. Tư duy xanh không nên bị hiểu là đặc quyền của giáo viên môn Sinh học hay Địa lý.

Cách tiếp cận này cũng phù hợp với xu hướng hài hòa hóa chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong khu vực Đông Nam Á. Năng lực giáo dục vì sự phát triển bền vững hoàn toàn có thể, và nên, được xem là một thành phần của chuẩn năng lực giáo viên ASEAN, thay vì là một nội dung bồi dưỡng tùy chọn.

Tất nhiên, đưa tư duy xanh vào đào tạo giáo viên cũng vấp phải chính những rào cản đã nêu ở mục 3.2, thậm chí gay gắt hơn vì chương trình sư phạm vốn đã dày. Lối ra thực tế không nằm ở việc thêm môn, mà ở chỗ khéo cài tư duy xanh vào những học phần đang có – từ phương pháp giảng dạy bộ môn tới rèn luyện nghiệp vụ sư phạm – và chọn một vài điểm chạm sâu thay vì rải mỏng khắp nơi.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

• Đối với các cơ sở giáo dục đại học: Cần chính thức tích hợp năng lực bền vững vào khung chuẩn đầu ra; rà soát cấu trúc chương trình theo hướng lồng ghép xuyên môn; đồng thời thiết lập cơ chế chuyển hóa khuôn viên nhà trường thành "phòng thí nghiệm sống" (living lab) gắn liền với việc công khai minh bạch các dữ liệu vận hành.

• Đối với cơ quan quản lý giáo dục: Cần thể chế hóa năng lực bền vững trong khung chuẩn chương trình đào tạo và chuẩn nghề nghiệp giáo viên; ban hành các chính sách đãi ngộ và khuyến khích phù hợp nhằm tránh tâm lý coi đây là nhiệm vụ tự nguyện hoặc gánh nặng bổ sung.

• Đối với đội ngũ giảng viên: Cần chủ động nâng cao năng lực chuyên môn, bắt đầu từ việc tái thiết kế các môn học đảm nhiệm và ưu tiên áp dụng các phương pháp giảng dạy thực nghiệm thay vì thụ động chờ đợi sự ra đời của các môn học mới.

• Đối với các mạng lưới hợp tác khu vực: Tăng cường chia sẻ tài nguyên học liệu, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn và phối hợp xây dựng bộ tiêu chí chung về năng lực giáo dục vì sự phát triển bền vững dành cho nhà giáo trong khu vực ASEAN.

V. KẾT LUẬN

Tư duy xanh là yếu tố quyết định hiệu quả của quá trình chuyển đổi xanh, bởi công nghệ và chính sách chỉ phát huy tác dụng khi được vận hành bởi những cá nhân có nhận thức và năng lực hành động bền vững. Mặc dù giáo dục đại học Việt Nam đã có nền tảng chính sách thuận lợi, việc chuyển hóa chủ trương thành năng lực thực tiễn của người học vẫn còn hạn chế. Nghiên cứu đã làm rõ sự khác biệt giữa tư duy xanh và kiến thức môi trường, đề xuất khung năng lực bốn thành tố và mô hình tích hợp bốn tầng.

Tuy nhiên, mô hình mới dừng ở mức lý thuyết, chưa được kiểm chứng thực nghiệm; các khoảng trống thực tiễn chủ yếu dựa trên phân tích tài liệu và chưa có bộ công cụ đo lường cụ thể. Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo cần: (1) xây dựng và kiểm định thang đo tư duy xanh; (2) khảo sát thực trạng tích hợp giáo dục bền vững trong các chương trình đào tạo; và (3) thực nghiệm mô hình bốn tầng để đánh giá tính khả thi và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bianchi, G., Pisiotis, U., & Cabrera Giraldez, M. (2022). GreenComp – The European sustainability competence framework. Publications Office of the European Union.

Kollmuss, A., & Agyeman, J. (2002). Mind the gap: Why do people act environmentally and what are the barriers to pro-environmental behavior? Environmental Education Research, 8(3), 239–260.

Rieckmann, M. (2012). Future-oriented higher education: Which key competencies should be fostered through university teaching and learning? Futures, 44(2), 127–135.

Sterling, S. (2001). Sustainable education: Re-visioning learning and change. Green Books.

Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050.

UNESCO. (2017). Education for sustainable development goals: Learning objectives. UNESCO.

UNESCO. (2020). Education for sustainable development: A roadmap (ESD for 2030). UNESCO.

United Nations. (2015). Transforming our world: The 2030 agenda for sustainable development. United Nations.

Wiek, A., Withycombe, L., & Redman, C. L. (2011). Key competencies in sustainability: A reference framework for academic program development. Sustainability Science, 6(2), 203–218.

World Commission on Environment and Development. (1987). Our common future. Oxford University Press.